

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2017/DS-ST
Ngày 07-8-2017
V/v tranh chấp hợp đồng đầu tư
trồng và mua bán mía nguyên liệu

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Lâm**;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Lý Thanh Phong**;

Bà **Phạm Thị Bích Ly**;

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tuấn Hòa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà **Triệu Thị Mộng Lý** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2017/TLST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2017, về tranh chấp hợp đồng đầu tư trồng và mua bán mía nguyên liệu, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2017/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn **Mía Đường Cồn L.M.P**;

Địa chỉ trụ sở: Khu vực A, phường T, TX. L, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Hà Minh T**; địa chỉ làm việc: Khu vực A, phường T, TX. L, tỉnh Hậu Giang; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 21 tháng 02 năm 2017). (có mặt)

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị L**;

Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông **Dương Phấn K**; địa chỉ cư trú: Đường D, khóm T, phường C, TP. S, tỉnh Sóc Trăng; là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Văn bản ủy quyền ngày 20 tháng 02 năm 2017). (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 01 năm 2017 của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Mía Đường Cồn L.M.P và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Hà Minh T trình bày:

Vào ngày 27 tháng 3 năm 2015, Công ty trách nhiệm hữu hạn Mía Đường Cồn L.M.P (gọi tắt là Công ty L.M.P) với bà Nguyễn Thị L có ký hợp đồng đầu tư trồng và mua bán mía nguyên liệu vụ niên vụ 2015 - 2016. Hợp đồng có xác nhận của chính quyền địa phương vào ngày 01 tháng 6 năm 2015. Theo hợp đồng, Công ty L.M.P đầu tư cho bà L số tiền 20.000.000 đồng, để trồng 04 ha mía. Ngược lại, khi thu hoạch mía, bà L phải bán cho Công ty L.M.P và hoàn trả tiền vốn đầu tư (gồm gốc và lãi). Thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 30 tháng 11 năm 2015. Thực hiện hợp đồng, vào ngày 13 tháng 7 năm 2015, Công ty L.M.P đã chi cho bà L số tiền 20.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến vụ mía 2015, bà L không bán mía cho Công ty L.M.P, mà bán cho thương lái và cũng không trả lại tiền đầu tư. Sau đó, Công ty L.M.P và bà L có lập biên bản xác nhận nợ. Theo biên bản xác nhận nợ, bà L trả nợ bằng mía nguyên liệu trong vụ 2016 - 2017, trường hợp hai bên không thỏa thuận được giá mua bán mía thì trả bằng tiền mặt, thời hạn trả nợ là đến ngày 30 tháng 12 năm 2016, trả dứt điểm một lần, nếu không trả nợ đúng thời hạn cam kết thì phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày nhận tiền đầu tư đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, khi đến hạn, bà L không có mía trả cho Công ty L.M.P và cũng không trả lại tiền đầu tư như đã cam kết. Nay Công ty L.M.P yêu cầu bà L hoàn trả lại số tiền vốn đầu tư là 20.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật, tính từ ngày nhận tiền đầu tư (ngày 13 tháng 7 năm 2015) cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm: Hợp đồng đầu tư trồng và mua bán mía nguyên liệu ngày 27 tháng 3 năm 2015 (bản chính); Phiếu chi ngày 13 tháng 7 năm 2015 (bản chính); Biên nhận nợ và thủ tục thanh toán ngày 13 tháng 7 năm 2015 (bản chính); Biên bản xác nhận nợ không đề ngày tháng năm (bản sao).

Trong văn bản tự khai ngày 10 tháng 3 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị L là ông Dương Phấn K trình bày:

Ông thừa nhận bà L có ký hợp đồng đầu tư trồng và mua bán mía nguyên liệu với Công ty L.M.P. Sau khi ký hợp đồng, bà L có nhận tiền đầu tư là 20.000.000 đồng. Đến hạn thu hoạch mía, bà L đã nhiều lần liên hệ với cán bộ phụ trách địa bàn của Công ty L.M.P để yêu cầu thu mua mía, nhưng phía Công

ty L.M.P không tiến hành thu mua. Do đó, bà L phải bán mía cho thương lái, dẫn đến bị thua lỗ. Sau đó, Công ty L.M.P với bà L có lập biên bản xác nhận nợ, nhưng thực chất là phía Công ty L.M.P tái đầu tư cho bà L vụ mía mới. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty L.M.P là bên có lỗi nên bà L không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty L.M.P.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu của Công ty L.M.P, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc bà L trả cho Công ty L.M.P số tiền đầu tư trồng mía là 20.000.000 đồng, tiền lãi do chậm trả tiền tính từ ngày 30 tháng 12 năm 2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty L.M.P thì, giữa Công ty L.M.P với bị đơn là bà L có ký kết hợp đồng đầu tư trồng và mua bán mía nguyên liệu. Sau khi ký kết hợp đồng, Công ty L.M.P đã đầu tư tiền cho bà L trồng mía, nhưng đến khi thu hoạch thì bà L không bán mía cho Công ty L.M.P, mà bán mía cho thương lái và cũng không trả lại tiền đầu tư. Vì vậy, Công ty L.M.P yêu cầu bà L trả lại tiền đầu tư và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Như vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng dân sự đầu tư trồng và mua bán mía nguyên liệu, chứ không phải là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản (tiền) như Tòa án xác định khi thụ lý vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp cho phù hợp với nội dung tranh chấp.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự đầu tư trồng và mua bán mía nguyên liệu theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn là bà L có địa chỉ cư trú ở ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty L.M.P, về việc yêu cầu bà L trả lại tiền đầu tư trồng mía 20.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bà L là ông K thừa nhận bà L có ký kết hợp đồng đầu tư trồng và mua bán mía nguyên liệu với Công ty L.M.P, có nhận tiền đầu tư trồng mía 20.000.000 đồng và đến nay chưa hoàn trả. Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Đồng thời, khoản 3 Điều này cũng quy định: *“Đương*

sự có người đại diện tham gia tố tụng thì sự thừa nhận của người đại diện được coi là sự thừa nhận của đương sự nếu không vượt quá phạm vi đại diện”. Theo văn bản ủy quyền ngày 20 tháng 02 năm 2017, bà L ủy quyền cho ông K toàn quyền quyết định trong vụ án này. Do đó, sự thừa nhận của ông K cũng được coi là sự thừa nhận của bà L. Như vậy, việc bà L ký hợp đồng đầu tư trồng và mua bán mía nguyên liệu với Công ty L.M.P, có nhận tiền đầu tư 20.000.000 đồng đến nay chưa trả là có thật.

[4] Theo hợp đồng đầu tư trồng và mua bán mía nguyên liệu mà hai bên đã ký, Hội đồng xét xử nhận thấy: Điều 2 của Hợp đồng có nêu một trong những trách nhiệm của bên B (tức bên bà L), đó là hoàn trả đầy đủ vốn đầu tư (cả gốc và lãi) cho bên A (tức bên Công ty L.M.P) theo thời gian cam kết. Theo Điều 1 của Hợp đồng thì bà L phải hoàn trả vốn cho Công ty L.M.P hạn cuối là vào ngày 30 tháng 11 năm 2015. Tuy nhiên, đến thời hạn này, bà L không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tiền đầu tư. Sau đó, hai bên có lập biên bản xác nhận nợ với sự xác nhận của chính quyền địa phương. Theo biên bản này, bà L trả nợ cho Công ty L.M.P bằng mía nguyên liệu, trường hợp không thỏa thuận được giá mua bán mía thì trả bằng tiền mặt 20.000.000 đồng, trả dứt điểm một lần vào ngày 30 tháng 12 năm 2016. Tuy nhiên, khi đến thời hạn này, bà L không thực hiện đúng cam kết và cũng không trả lại tiền đầu tư. Người đại diện hợp pháp của bà L cho rằng, bà L không trả tiền cho Công ty L.M.P là do Công ty L.M.P có lỗi trong việc thực hiện hợp đồng, đó là khi đến hạn thu hoạch mía, Công ty L.M.P không mua mía của bà L, bà L phải bán mía cho thương lái, dẫn đến bị thua lỗ; đối với việc hai bên lập biên bản xác nhận nợ vào ngày 25 tháng 8 năm 2016, thực chất là Công ty L.M.P tái đầu tư vào vụ mía 2016 - 2017. Người đại diện hợp pháp của Công ty L.M.P thì cho rằng, do hai bên không thỏa thuận được giá mía nên Công ty L.M.P không mua, còn việc thỏa thuận tái đầu tư như phía bà L trình bày là không có. Hội đồng xét xử nhận thấy: Khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự có quy định: *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”*. Tuy nhiên, phía bà L không cung cấp được cho Tòa án bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh bà L bán mía cho thương lái bên ngoài bị thua lỗ, cũng như nội dung biên bản xác nhận nợ là thỏa thuận tái đầu tư. Vì vậy, lời phản đối của phía bà L là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Điều 290 Bộ luật Dân sự năm 2005, cũng như Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 đều quy định: *“1. Nghĩa vụ trả tiền phải thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận. 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”*. Như vậy, bà L phải có nghĩa vụ trả lại tiền vốn đầu tư trồng mía cho Công ty L.M.P là 20.000.000 đồng.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty L.M.P, về việc yêu cầu bà L trả tiền lãi theo quy định của pháp luật, tính từ ngày nhận tiền đầu tư (ngày 13 tháng

7 năm 2015) cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử nhận thấy: Khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: “*Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán*”, còn Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì quy định: “*1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. 2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này*”. Theo biên bản xác nhận nợ thì hai bên có thỏa thuận, hạn trả nợ cuối cùng của bà L là vào ngày 30 tháng 12 năm 2016. Do đó, lãi suất chậm trả tiền chỉ phát sinh và được tính từ ngày này, còn hai bên thỏa thuận lãi suất do chậm trả tiền tính từ ngày nhận tiền đầu tư là không phù hợp với quy định nêu trên, nên Hội đồng xét xử điều chỉnh lại cho phù hợp. Như vậy, bà L phải trả tiền lãi cho Công ty L.M.P do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền như sau:

- Từ ngày 30 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 02 ngày. Theo khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005 nêu trên thì tính theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố là 9%/năm, bằng 0,75%/tháng, cụ thể: $20.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 02 \text{ ngày} = 10.000 \text{ đồng}$.

- Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07 tháng 8 năm 2017) là 07 tháng 06 ngày. Theo Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 nêu trên thì lãi suất tính theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này là 10%/năm, bằng 0,83%/tháng, cụ thể: $20.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 07 \text{ tháng } 06 \text{ ngày} = 1.195.198 \text{ đồng}$.

- Tổng cộng tiền lãi là 1.205.198 đồng.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Công ty L.M.P, buộc bà L trả cho Công ty L.M.P tiền đầu tư trồng mía là 20.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả tiền là 1.205.198 đồng, tổng cộng là 21.205.198 đồng.

[8] Như vậy, lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Công ty L.M.P được chấp nhận nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $21.205.198 \text{ đồng} \times 5\% = 1.060.259 \text{ đồng}$, còn Công ty L.M.P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[10] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án là Công ty L.M.P cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án là bà L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 2 và khoản 3 Điều 92 Bộ luật Tổ tụng dân sự; Điều 290, Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 280, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn Mía Đường Cồn L.M.P. Buộc bà Nguyễn Thị L trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Mía Đường Cồn L.M.P số tiền vốn đầu tư trồng mía là 20.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả là 1.205.198 đồng, tổng cộng là 21.205.198 đồng (Hai mươi một triệu hai trăm lẻ năm nghìn một trăm chín mươi tám đồng).

2. Án phí:

- Bà Nguyễn Thị L phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 1.060.259 đồng (Một triệu không trăm sáu mươi nghìn hai trăm năm mươi chín đồng).

- Công ty trách nhiệm hữu hạn Mía Đường Cồn L.M.P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), theo các biên lai thu số 0004214 ngày 13 tháng 01 năm 2017 và số 0004228 ngày 19 tháng 01 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Lâm